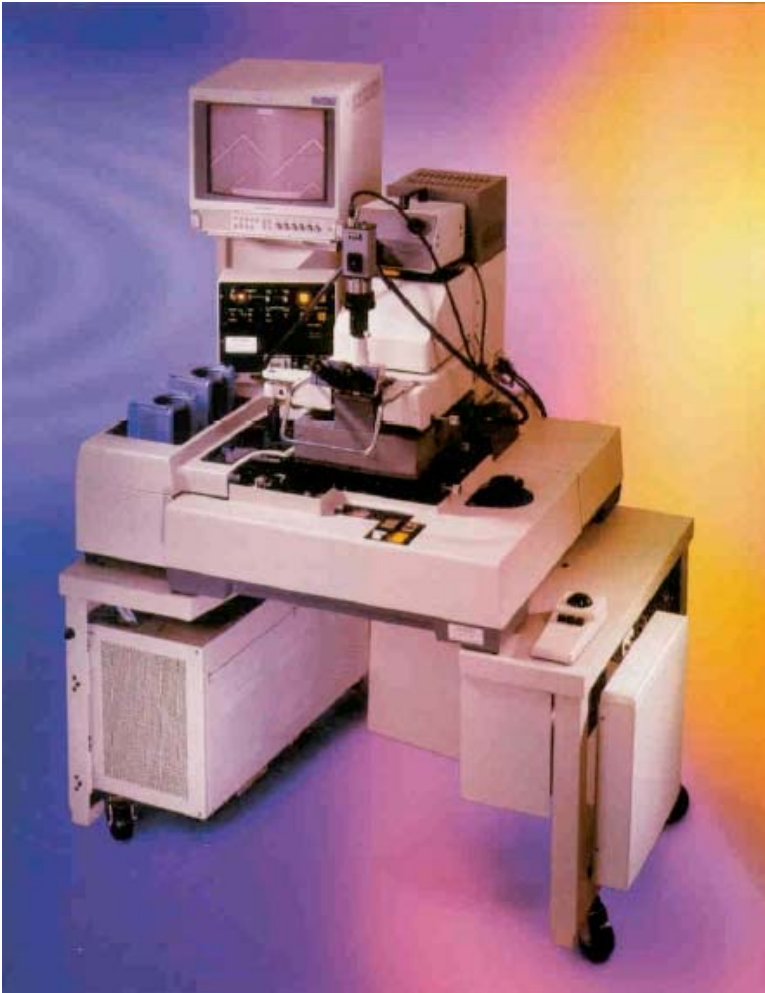




NEUTRONIX / QUINTEL

685A Jarvis Drive, Morgan Hill, CA 95037 Ph: (408)776-5190 Fax: (408)776-1039

Nhà cung cấp thiết bị quang khắc hàng đầu thế giới **Chuyên gia về máy khắc hình vi mạch trên đế wafer** **(PLA 501/600 Mask Aligners)**



Đặc tính chung của PLA 501/600

Đồng chỉnh ở chế độ tiếp xúc/ gần tiếp xúc 60-100 WPH

Kích thước mẫu: 2" đến 6" Mẫu tròn hoặc vuông

Nạp phiến: Nhân công hoặc tự động

Đồng chỉnh: Nhân công hoặc tự động

Công suất UV: 250,350,500 Watts,
1 và 2 Kilo Watts

Phổ UV: UV sâu, gần UV sâu, gần UV

Phân giải: < .5um in ở chế độ Hard contact

Đồng chỉnh dùng IR ở mặt dưới của phiến

Thiết bị chiếu sáng tích hợp kênh đôi hoặc C.L

Chiếu sáng dùng sợi quang

Hệ thống hình ảnh phân giải cao

NEUTRONIX kết hợp chất lượng cao nhất và chọn lọc từ các nhà sản xuất linh kiện và hoàn thiện hệ thống với những giải pháp duy nhất nhằm cung cấp cho quý khách hàng những sản phẩm với chất lượng cao nhất với giá cả phù hợp.

Chế tạo sản phẩm theo yêu cầu là thế mạnh của chúng tôi.

Dịch Vụ Sẵn Có:

- Chế tạo lại thiết bị tạo hình dạng vi mạch
- Thay đổi các giá chứa phiến silicon
- Thay đổi và kéo dài hình thức bảo hành
- Các hợp đồng về lắp đặt, vận hành và đào tạo nhân lực tại chỗ
- Sửa chữa bo mạch

Địa chỉ liên hệ:

685A Jarvis Drive

Morgan Hill, CA 95037, U.S.A.

Tel: (408) 776-5190

Fax: (408) 776-1039

Email: sales@neutronixinc.com

Website: www.neutronixinc.com

Specifications

Chi tiết kỹ thuật cơ bản của PLA-501 Mask Aligners (cho PLA-501FA và 501F)

Kích thước mask	3", 4", 5" hoặc 6"
Kích thước phiến	Ø2", Ø3", Ø4" hoặc Ø5"
Chiếu sáng	250W đèn thủy ngân
Độ đồng đều	+/- 3% / Ø100mm
Liều chiếu	Tích hợp quang (định thời 0.1 đến 59.9) – đơn vị năng lượng quy ra mJ/cm ²
Thời gian in	2 giây cho cảm quang neag-resist (OMR-83) 5 giây cho cảm quang posi-resist (AZ-1350)

Nguồn U.V. Chuẩn 250W, tùy chọn các mức 350, 500, 1000 và 2000W

Phạm vi đồng chỉnh

Vật kính	10x
Thị kính	15x
Phóng đại thị kính	Tùy chọn 1.0x, 1.25x và 1.5x
Trường quan sát	Chia hình hoặc đơn hình
Phạm vi quét	Quét trên trục XY bằng tay trái Khoảng quét trên mỗi trục X và Y là ± 10mm

Phương pháp đồng chỉnh

Một đồng chỉnh	PLA-501FA; có ba một tự động, bán tự động và nhân công PLA-501F: nhân công
Điều chỉnh XY	Bảng đồng chỉnh kẹp phiến trên chiều XY Chỉnh thô: 4.1, tinh chỉnh: 100:1 Hành trình cực đại Φ10mm (501F)
Chỉnh méo (θ)	Nhờ chuyển mạch điều khiển teta của phiến, có thể thay đổi giữa mức chỉnh thô và tinh chỉnh, hành trình ± 5° với cơ chế tự lấy tâm
Chỉnh méo cho mask	Mask cũng có thể qua với hành trình ± 5°
Điều chỉnh	Thông qua núm xoay

Phương pháp in

Khe hở phiến/mask	Tùy chọn chế độ gần tiếp xúc và tiếp xúc 0 um đến 98 um
Khe hở gần tiếp xúc	0um đến 48um
Tiếp xúc lúc in	Có thể dùng phương pháp tiếp xúc chân không hoặc áp suất từ 5 cmHg trở lên

Tự động nạp phiến

Bộ phận đựng phiến	Có thể chuyển đổi giữa một tự động và nhân công Vật liệu bằng GCA hoặc Teflon với khả năng chứa đến 3/16", 25 phiến
P.P truyền động	Dùng đai hoặc truyền động dùng bi khí
<i>Tiền đồng chỉnh</i>	Ø0.1mm (cho phiến 3", thang 60mm)
<i>Độ chính xác</i>	Ø0.1mm (cho phiến 4", thang 80mm)
Thời gian hồi phục	~ 30 giây (với thời gian đồng chỉnh là 10 giây, và thời gian chiếu sáng là 1 giây)

Kích thước

Thân máy	940mm(Rộng)x 800mm(Sâu)x 724mm(Cao)
Thân máy đặc biệt	1100mm(Rộng)x 820mm(Sâu)x 1344mm(Cao)
Hộp điều khiển	300mm (Rộng) x 710mm(Sâu)x 478mm(Cao)

Chi tiết kỹ thuật cơ bản của PLA-600 Mask Aligners (cho PLA-600FA và 600F)

Kích thước mask	3", 4", 5" hoặc 6"
Kích thước phiến	Ø2", Ø3", Ø4" hoặc Ø5"
Chiếu sáng	250W đèn thủy ngân
Độ đồng đều	+/- 3% / Ø100mm
Liều chiếu	Tích hợp quang (định thời 0.1 đến 59.9) – đơn vị năng lượng quy ra mJ/cm ²
Thời gian in	2 giây cho cảm quang neag-resist (OMR-83) 5 giây cho cảm quang posi-resist (AZ-1350)

Nguồn U.V. Chuẩn 250W, tùy chọn các mức 350, 500, 1000 và 2000W

Phạm vi đồng chỉnh

Vật kính	10x (tùy chọn 5x, 20 x)
Thị kính	10x, 15x (tùy chọn 20x)
Phóng đại thị kính	Tùy chọn 1.0x, 1.25x và 1.5x
Trường quan sát	Chia hình hoặc đơn hình
Phạm vi quét	Quét trên trục XY bằng tay trái Khoảng quét trên mỗi trục X và Y là ± 10mm

Phương pháp đồng chỉnh

Một đồng chỉnh	PLA-600FA; có ba một tự động, bán tự động và nhân công PLA-600F: nhân công
Điều chỉnh XY	Bảng đồng chỉnh kẹp phiến trên chiều XY Chỉnh thô: 4.1, tinh chỉnh: 100:1 Hành trình cực đại Φ10mm (600F)
Chỉnh méo (θ)	Nhờ chuyển mạch điều khiển teta của phiến, có thể thay đổi giữa mức chỉnh thô và tinh chỉnh, hành trình ± 5° với cơ chế tự lấy tâm
Chỉnh méo cho mask	Mask cũng có thể qua với hành trình ± 5°
Điều chỉnh	Thông qua núm xoay

Phương pháp in

Khe hở phiến/mask	Tùy chọn chế độ gần tiếp xúc và tiếp xúc 0 um đến 98 um
Khe hở gần tiếp xúc	0um đến 48um
Tiếp xúc lúc in	Có thể dùng phương pháp tiếp xúc chân không hoặc tiếp xúc áp suất từ 5cmHg trở lên

Tự động nạp phiến

Bộ phận đựng phiến	Có thể chuyển đổi giữa một tự động và nhân công Vật liệu bằng GCA hoặc Teflon với khả năng chứa đến 3/16", 25 phiến
P.P truyền động	Dùng đai hoặc truyền động dùng bi khí
<i>Tiền đồng chỉnh</i>	Phạm vi Φ 100 mm
<i>Độ chính xác</i>	Ø0.1mm (cho phiến 4", thang 80mm)
Thời gian hồi phục	~ 30 giây (với thời gian đồng chỉnh là 10 giây, và thời gian chiếu sáng là 1 giây)

Kích thước

Thân máy	1100mm(Rộng)x 820mm(Sâu)x 855mm(Cao)
Thân máy đặc biệt	1100mm(Rộng)x 820mm(Sâu)x 1485mm(Cao)
Hộp điều khiển	320mm (Rộng) x 700mm(Sâu)x 490mm(Cao)

Khối lượng

Bàn cho PLA-501F	210kg (462lbs)
Bàn cho PLA-501FA	225kg (496lbs)
Hộp điều khiển	30kg (66.1 lbs)

Phụ kiện cần có

Công suất tiêu thụ	Máy chính: 350VA hoặc hơn, hộp cấp nguồn: 800VA hoặc hơn
Áp suất khí nén (cao)	3.5kg/cm ² (49.8 p.s.i) hoặc hơn ống 3/8"
Áp suất khí nén (thấp) (không khí sạch)	2.5kg/cm ² (35.6 p.s.i) hoặc hơn, ống 3/8"
Khí N ²	1kg/cm ² (14.2 p.s.i) hoặc hơn, ống dây 3/8"
Chân không	45cm-76cm Hg (17.7"-29.9"Hg) ống 3/8"

Khối lượng

Bàn cho PLA-600F	235kg (518lbs)
Bàn cho PLA-600FA	255kg (551 lbs)
Hộp điều khiển	30kg (66.1 lbs)

Phụ kiện cần có

Công suất tiêu thụ	Máy chính: 350VA hoặc hơn, hộp cấp nguồn: 800VA hoặc hơn
Áp suất khí nén (cao)	3.5kg/cm ² (49.8 p.s.i) hoặc hơn ống 3/8"
Áp suất khí nén (thấp) (không khí sạch)	2.5kg/cm ² (35.6 p.s.i) or more. 3/8" tube fittings
Khí N ²	1kg/cm ² (14.2 p.s.i) hoặc hơn, ống dây 3/8"
Chân không	45cm-76cm Hg (17.7"-29.9"Hg) ống 3/8"

www.acrosemi.com

**Thông Tin Liên Hệ:**

USA - Phone: (714) 468-9034 Fax: (866) 212-8857

E-mail: info@acrosemi.com

Vietnam - Phone: (+84-0) 91-225-7173

Email Ho Chi Minh Office: hcmc@acrosemi.com

Email Ha Noi Office: hanoi@acrosemi.com